

TỜ TRÌNH

**Đề nghị điều chỉnh dự toán, số thu điều tiết tiền sử dụng đất từ các MBQH
đấu giá quyền sử dụng đất theo Kết luận Kiểm toán NSNN năm 2023**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 06 năm 2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về việc quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 176/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá về việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi; tỉ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách giai đoạn 2022-2025 tỉnh Thanh Hoá;

Căn cứ Công văn 3709/STC-QLCS-GC ngày 29/6/2023 của Sở Tài chính V/v quy trình thực hiện xác nhận chi phí BTGPMB, chi phí ĐTXD hạ tầng kỹ thuật, chi phí khác có liên quan khi thực hiện theo Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 19/6/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định đấu giá quyền sử dụng đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ Thông báo số 321/TB-KVXI ngày 16/07/2024 của Kiểm toán Nhà nước khu vực XI về thông báo kết quả kiểm toán tại huyện Quảng Xương. Thực hiện Công văn số 12096/UBND-KTTC ngày 19/08/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá về việc giao tổ chức thực hiện kết luận, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước tại Báo cáo kiểm toán chuyên đề.

Thực hiện Công văn số 5123/STC-NSHX ngày 06/09/2023 và Công văn số 5324/STC-ĐT ngày 16/9/2024 của Sở Tài chính Thanh Hóa về việc thông báo nội dung và thực hiện kết luận, kiến nghị của KTNN tại Báo cáo kiểm toán chuyên đề.

UBND huyện Quảng Xương kính trình HĐND huyện điều chỉnh dự toán, số thu điều tiết tiền sử dụng đất từ các MBQH đấu giá quyền sử dụng đất theo Kết luận Kiểm toán NSNN năm 2023 như sau:

1. Điều chỉnh giảm tiền sử dụng đất ngân sách cấp huyện, tăng tiền sử dụng đất cho ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp xã các MBQH đấu giá QSD đất theo Kết luận Kiểm toán NSNN năm 2023, cụ thể như sau:

- Giảm số thu tiền sử dụng đất từ ngân sách cấp huyện, số tiền: 2.433.634.780 đồng.

- Tăng tiền sử dụng đất cho ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp xã: 2.433.637.780 đồng (Ngân sách cấp tỉnh: 1.565.904.330 đồng; Ngân sách cấp xã: 867.730.450 đồng).

(Chi tiết theo phụ biểu đính kèm)

2. Nguồn kinh phí: Từ nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách cấp huyện năm 2025.

3. Phương thức thực hiện:

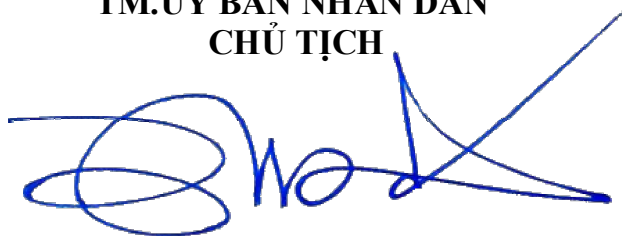
Cơ quan KBNN thực hiện điều tiết số thu tiền sử dụng đất từ ngân sách cấp huyện cho ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp xã khi nguồn thu NSNN về tiền sử đất đủ điều kiện.

UBND huyện kính trình HĐND huyện xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, PCT UBND huyện;
- Lưu: VT, TCKH.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Huy Nam

**Phụ biểu: ĐIỀU CHỈNH GIẢM TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN,
TĂNG TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NGÂN SÁCH CẤP TỈNH, CẤP XÃ NĂM 2025**

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày / / 2025)

Đơn vị tính: đồng

STT	ĐƠN VỊ	TÊN DỰ ÁN/ MBQH ĐẦU GIÁ	GIÁ TRỊ LOẠI TRỪ CHI PHÍ	TỔNG GIẢM TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NS CẤP HUYỆN	TĂNG TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NS CẤP TỈNH	TĂNG TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NS CẤP XÃ	TỶ LỆ ĐIỀU TIẾT
1	Quảng Lưu	MBQH số 5643/QĐ- UBND ngày 14/10/2020, khu dân cư thôn 14, xã Quảng Lưu, huyện Quảng Xương.	438.000.000	306.600.000	197.100.000	109.500.000	Tỉnh 45%; xã 25%
2	Quảng Định	MBQH số 3253/QĐ- UBND ngày 09/7/2020 khu dân cư thôn Tiên Vệ (VT2), xã Quảng Định, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa	386.136.000	270.295.200	173.761.200	96.534.000	
3	Quảng Thạch	MBQH kèm theo quyết định số 5146/QĐ- UBND ngày 25/9/2020 thuộc xã Quảng Thạch, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa	48.768.000	34.137.600	21.945.600	12.192.000	
4	Quảng Nhân	MBQH số 5748/QĐ- UBND ngày 01/10/2021 khu dân cư thôn 3 (VT1) thuộc xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa	14.348.000	10.043.600	6.456.600	3.587.000	
5	Quảng Hòa	MBQH kèm theo quyết định số 3025/QĐ- UBND ngày 01/7/2020, MBQH kèm theo Quyết định số 3018/QĐ- UBND ngày 01/7/2020 thuộc xã Quảng Hòa, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa	25.623.000	17.936.100	11.530.350	6.405.750	
6	Quảng Binh	MBQH số 27 UB/TN- MT ngày 26/4/2018 thuộc xã Quảng Bình, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa	14.776.000	8.126.800	6.649.200	1.477.600	Tỉnh 45%; xã 10%
7	Tiên Trang	MBQH số 3099/QĐ- UBND ngày 7/7/2020 Khu dân cư thôn 5, xã Tiên Trang, huyện Quảng Xương	34.046.000	23.832.200	15.320.700	8.511.500	Tỉnh 45%; xã 25%

8	Quảng Yên	Khu dân cư thôn Trung Đào (MBQH số 3917/QĐ-UBND ngày 02/8/2021), xã Quảng Yên, huyện Quảng Xương	161.353.000	112.947.100	72.608.850	40.338.250
9	Quảng Ngọc	MBQH số 5769/QĐ-UBND ngày 01/10/2021 Khu dân cư thôn Bất Động, xã Quảng Ngọc, huyện Quảng Xương	1.845.719.400	1.292.003.580	830.573.730	461.429.850
10	Quảng Đức	MBQH số 3279/QĐ-UBND ngày 12/7/2021 Khu dân cư thôn Hà Trung, xã Quảng Đức, huyện Quảng Xương	318.191.000	222.733.700	143.185.950	79.547.750
11	Quảng Đức	MBQH số 3281/QĐ-UBND ngày 12/7/2021 Khu dân cư thôn Quang Tiên, xã Quảng Đức, huyện Quảng Xương	63.284.000	44.298.800	28.477.800	15.821.000
12	Quảng Nhân	MBQH kèm theo quyết định số 5767/QĐ-UBND ngày 01/10/2021 khu dân cư Thôn 6, xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa	129.543.000	90.680.100	58.294.350	32.385.750
	Tổng cộng		3.479.787.400	2.433.634.780	1.565.904.330	867.730.450